

Bản án số: 12/2018/HS-ST

Ngày: 14-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Hương Giang.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thì Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Huỳnh Ngọc Q, sinh năm 1993, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc C và bà Dương Thị Mộng T; vợ, con: có vợ, chưa có con; tiền án: chưa có; tiền sự: 02 lần (Ngày 23 tháng 12 năm 2017 và ngày 17 tháng 01 năm 2018 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp phạt ngày 21/02/2018.); nhân thân: chỉ có 02 tiền sự vừa nêu; bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 18 tháng 02 năm 2018, tạm giam ngày 27 tháng 02 năm 2018; có mặt.

- Bị hại:

1/ Huỳnh Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp C, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2/ Trần Thị K, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp A, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3/ Lâm Thị U, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp T1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Huỳnh Văn Th, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Thanh L, Lê Văn D, Ngô Phúc Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 16/02/2018, Huỳnh Ngọc Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70E1-073.xx từ nhà thuộc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh đến huyện T, tỉnh Đồng Tháp tìm vợ nhưng không gặp. Do không biết đường, nên Q điều khiển xe đến khu vực ấp T1, xã T, huyện H. Đến khoảng 02 giờ ngày 17/02/2018, xe hết xăng nên Q dẫn bộ đến nhà bà Lâm Thị U, thấy một xe đạp màu trắng, loại xe mini, có đèn chiếu sáng ở vành xe của bà U, không người trông coi và không khóa. Do đêm tối và bản thân không biết nơi đổ xăng nên Q bỏ xe mô tô tại đây và lấy xe đạp của bà U điều khiển chạy về hướng xã T1. Chạy xe mỗi chân nên Q bỏ xe đạp lại giữa đường và tiếp tục đi bộ. Đến khoảng 02 giờ ngày 18/02/2018, Q thấy một xe đạp màu xanh trắng của bà Trần Thị K dựng trước cửa nhà thuộc ấp A, xã T1 không người trông coi và xe không khóa, nên Q lấy xe đạp điều khiển chạy về hướng xã T2. Đến khoảng 03 giờ 50 phút cùng ngày, khi ngang nhà anh Huỳnh Văn T tại ấp C, xã T1, thấy xe mô tô Sirius màu đen vàng, biển kiểm soát 66G1-168.xx của anh T dựng trong nhà, cửa không khóa và chìa khóa có sẵn trên xe, Q vào lấy dẫn ra đường, nổ máy điều khiển về hướng xã T2. Lúc này, ông Huỳnh Văn Th là cha anh T phát hiện, nên kêu anh T và Tr đuổi theo. Khi Q điều khiển xe 66G1-168.xx đến khu vực ấp H, xã T1 thì bị anh T và Tr chặn đầu xe, trình báo Công an xã T1 bắt quả tang cùng tang vật.

Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Một xe mô tô biển kiểm soát 66G1-168.xx, màu sơn đen vàng, nhãn hiệu YAMAHA, số khung 30EY0132xx, số máy 1FC3-0132xx, trị giá còn lại 15.000.000đ; Một xe đạp màu trắng xanh, trị giá 200.000đ và Một xe đạp màu trắng, phía trước xe có rổ (bộ xe), có đèn chiếu sáng ở vành xe, loại xe mini, không đủ cơ sở xác định giá trị tài sản do không có tang vật (Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm nhưng không thu hồi được).

Vật chứng thu giữ:

- Xe mô tô biển kiểm soát 70E1-073.xx, màu sơn đen vàng, nhãn hiệu YAMAHA là phương tiện Q điều khiển từ tỉnh Tây Ninh đến tỉnh Đồng Tháp, xe mô tô này là tài sản chung trong gia đình, do anh trai Q tên Huỳnh Thanh L đứng tên chủ sở hữu, không biết mục đích Q lấy xe đi, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh Huỳnh Thanh L.

- Xe mô tô biển kiểm soát 66G1-168.xx, màu sơn đen vàng, nhãn hiệu YAMAHA và xe đạp màu trắng xanh Q lấy trộm. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại cho bị hại Huỳnh Văn T và Trần Thị K.

Đối với xe đạp màu trắng, phía trước xe có rổ xe (bộ xe), có đèn chiếu sáng ở vành xe, loại xe mini của bà Lâm Thị U bị Q lấy trộm và bỏ giữa đường, không nhớ địa điểm. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chiếc xe nói trên nhưng không thu hồi được.

Bị hại Huỳnh Văn T, Trần Thị K không yêu cầu bị cáo Q bồi thường thiệt hại về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho Q.

Gia đình bị cáo Q đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại U số tiền 1.000.000đ là trị giá xe đạp mà bị can Q đã lấy trộm. Bị hại đã nhận tiền, không yêu cầu bồi thường khoản nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q.

Tại Cáo trạng truy tố số 09/CT-VKSHN ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Q từ 06 đến 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Vật chứng: Đã xử lý xong. Về dân sự: Không có yêu cầu. Đối với chiếc xe đạp của bị hại U không định giá được nên không tính vào định lượng của các lần trộm.

Bị cáo Q thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo đã biết ăn năn hối lỗi, nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Ngọc Q khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[2] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; có hành vi cố ý trực tiếp, liên tiếp trộm cắp tài sản gồm: 01 xe đạp màu trắng, loại xe mini, phía trước xe có rổ (bộ xe), có đèn chiếu sáng ở vành xe của bà Lâm Thị U, Hội đồng định giá không định giá được giá trị tài sản; 01 xe đạp màu trắng xanh của bà Trần Thị K trị giá tài sản còn lại 200.000đ, 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen vàng, biển kiểm soát 66G1-168.xx, trị giá tài sản còn lại 15.000.000đ của anh Huỳnh Văn T và đã bị bắt quả tang. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Ngọc Q phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Khoản 1 Điều 173 BLHS, quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ

nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Q là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[6] Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Mặc dù, theo bị cáo trộm xe với mục đích là để đi tìm vợ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; làm cho tình hình an ninh trật tự ở địa phương ngày càng được cải thiện theo hướng tích cực, nhân dân an tâm lao động, sinh sống.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về nhân thân: Bị cáo đã có 02 tiền sự.

[10] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại trị giá xe đạp bị mất cho bị hại U; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn vì tài sản đã thu hồi được trả cho các bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người làm thuê, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, áp dụng các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo và quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Về vật chứng: Đã xử lý xong, không đề cập đến.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Ngọc Q phạm “Tội trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Q 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 02 năm 2018.
3. Về án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/5/2018). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú